

Bản án số: **13/2018/HS-ST**
Ngày: 26-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận.

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2017/HSST ngày 27/11/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Quang T; Sinh năm 1997**, tại tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: việt nam; con ông Đinh Quang L (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ; Tiền sự: không; Tiền án: ngày 14/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2017 cho đến nay. (Có mặt)

Bị hại:

1/ Nguyễn Thị L; Sinh ngày: 22/8/2002 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 8, xã TN, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị L:

- Ông Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1968 (vắng mặt)

- Bà Mai Thị H; Sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

2/ Thín Huy N; Sinh năm: 2002 (có mặt)

Trú tại: Thôn 7, xã TN, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện hợp pháp của bị hại Thín Huy N:

Ông Thín Cay L; Sinh năm: 1975 (có mặt)

Trú tại: Thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng đầu tháng 4/2017 (không nhớ rõ ngày tháng), Đinh Quang T và Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/8/2002 có quan hệ tình cảm với nhau. Cả hai đến nhà nghỉ HS thuộc thôn 3 xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước để thuê phòng. Tại phòng số 8 của nhà nghỉ, Đinh Quang T và L tự cởi quần áo của mình. Sau đó T nằm lên người L và thực hiện hành vi giao cấu với nhau. Đến khoảng đầu tháng 06/2017 (không nhớ rõ ngày tháng năm) T và L tiếp tục đến thuê phòng số 5B của nhà nghỉ HS để thực hiện hành vi giao cấu với nhau. Ngày 29/6/2017, T và L đi Thành phố HC để xin việc làm và có thuê phòng của một nhà nghỉ gần khu vực bến xe AS. Tại đây, T đã thực hiện hành vi giao cấu với L thêm 02 lần. Do nhận thức pháp luật của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 18/7/2017 T đã đến Công an xã T đầu thú.

Quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/6/2017 trước khi đón xe xuống Thành phố H để tìm việc làm, Đinh Quang T cùng Nguyễn Thị L và Thín Huy N đã thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ P thuộc thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để ngủ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, T tỉnh dậy thấy N và L còn ngủ. Lúc này T thấy chiếc điện thoại OPPO NEO 7 của N trên giường thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi T lấy chiếc điện thoại của N, T gọi L3 dậy ra đón xe khách đi thành phố H. Khi đến thành phố H do hết tiền tiêu xài nên T mang chiếc điện thoại đi cầm tại tiệm cầm đồ được 500.000đồng và đã sử dụng số tiền này để trả tiền phòng và tiền ăn.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về tình dục số 169/2017/TD ngày 28/7/2017 của Trung tâm Giám định y khoa pháp y tỉnh P kết luận: Nguyễn Thị L có màng trinh giãn đường kính khoảng 1,8cm, có vết rách sâu ở vị trí 6 giờ, 8 giờ; vết rách nông ở vị trí 11 giờ, không bầm tím, không xung huyết, có một thai sống khoảng 07 tuần trong tử cung.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản số 57 ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo 7 có giá trị 2.200.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Chiếc điện thoại hiệu OPPO Neo 7 mà Đinh Quang T chiếm đoạt đã đem cầm đồ tại thành phố H nhưng do T không nhớ cửa hiệu cầm đồ nên không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại Nguyễn Thị L không yêu cầu bồi thường; bị hại Thín Huy N yêu cầu Đình Quang T bồi thường số tiền 2.000.000đ, hiện nay T chưa bồi thường.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đình Quang T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên không có ý kiến khiếu nại gì về những tài liệu nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 117/CTr - VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đình Quang T về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ Luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đình Quang T phạm tội “Giao cấu với trẻ em” và tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt đề nghị áp dụng:

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung; điểm p Khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 ; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đình Quang T từ 04 năm đến 05 năm tù giam;

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung; điểm p Khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đình Quang T từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam;

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo T bồi thường 2.000.000đồng cho bị hại N. Tách việc bồi thường thiệt hại đối với bị hại L3 giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Bị cáo Đình Quang T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến những người đại diện cho gia đình bị hại:

- * Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị L ông Nguyễn Văn L bà Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên theo tài liệu có trong hồ sơ gia đình bị hại L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

- * Người đại diện hợp pháp của bị hại Thín Huy N ông Thín Cay L yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 2.000.000đồng. Bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại N số tiền 2.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt.

- * Lời nói sau cùng của bị cáo T: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Quang T:

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Quang T đã thừa nhận: Do có quan hệ tình cảm với nhau nên trong khoảng tháng 4 năm 2017 (không nhớ ngày), đầu tháng 6/2017 (không nhớ rõ ngày) và ngày 29/6/2017 Đinh Quang T đã 04 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị L sinh ngày 22/8/2002. Cụ thể: Khoảng tháng 4/2017 (không nhớ rõ ngày), tại phòng số 8 của nhà nghỉ HS thuộc thôn 3 xã TN, huyện B, tỉnh Bình Phước Đinh Quang T và Nguyễn Thị L tự cởi quần áo của mình và thực hiện hành vi giao cấu với nhau. Đến khoảng đầu tháng 06/2017 (không nhớ rõ ngày) T và L tiếp tục đến thuê phòng số 5B của nhà nghỉ H để thực hiện hành vi giao cấu với nhau. Ngày 29/6/2017, T và L đi Thành phố H để xin việc làm và có thuê phòng của một nhà nghỉ gần khu vực bến xe AS. Tại đây, T đã thực hiện hành vi giao cấu với L thêm 02 lần. Hậu quả làm cho cháu Nguyễn Thị L mang thai.

Hành vi của bị cáo Đinh Quang T giao cấu nhiều lần với cháu Nguyễn Thị L khi cháu L3 chưa đủ 16 tuổi và hậu quả làm cháu L mang thai đã phạm vào tội “giao cấu với trẻ em” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ Luật hình sự.

Ngoài ra, Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/6/2017 khi N, L đang ngủ, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại OPPO Neo 7 của Thín Huy N để bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo Đinh Quang T lén lút chiếm đoạt tài sản chiếc điện thoại OPPO Neo 7 trị giá 2.200.000đồng của Thín Huy N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về tình dục số 169/2017/TD ngày 28/7/2017 của Trung tâm Giám định y khoa pháp y tỉnh P kết luận: Nguyễn Thị L có màng trinh giãn đường kính khoảng 1,8cm, có vết rách sâu ở vị trí 6 giờ, 8 giờ; vết rách nông ở vị trí 11 giờ, không bầm tím, không xung huyết. có một thai sống khoảng 07 tuần trong tử cung.

Căn cứ vào kết luận giám định số 2729/C54B về AND ngày 15/9/2017 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố HC kết luận: Đinh Quang T là cha ruột của phôi thai của Nguyễn Thị L3 với xác suất 99,99999962%.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản số 57 ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện BD xác định: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo 7 có giá trị 2.200.000đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo T thực hiện hành vi với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi nêu trên đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em; Xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD số 117/CTr-VKS ngày 24/11/2017 truy tố bị cáo T tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ Luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị L, khi bị cáo T lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của N, L3 không biết nên không có cơ sở xem xét vai trò đồng phạm đối với L.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Ngày 14/01/2015 bị cáo Đinh Quang T bị Tòa án nhân dân huyện BD xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự, đến nay bị cáo T chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo Tân phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

* Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị L ông Nguyễn Văn L bà Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên cần tách yêu cầu bồi thường khi có yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Bị hại Thín Huy N yêu cầu bị cáo T bồi thường chiếc điện thoại với số tiền 2.000.000đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại hiệu OPPO Neo 7 mà Đinh Quang T chiếm đoạt đã đem cầm đồ tại thành phố HC nhưng do bị cáo T không nhớ cửa hiệu cầm đồ nên không thu hồi được. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo luật định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh P tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, hành vi, hậu quả phạm tội của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và cùng với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Đinh Quang T phạm tội “Giao cấu với trẻ em” và tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: Điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Quang T 04 (bốn) năm tù giam.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Quang T 09 (chín) tháng tù giam.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Đinh Quang T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2017.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 584; 589 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Đinh Quang T và bị hại Thín Huy N. Bị cáo Đinh Quang T bồi thường số tiền 2.000.000đồng (chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt) cho bị hại Thín Huy N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí:

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đinh Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại có mặt tại phiên tòa vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- Sở TP & Công An tỉnh P;
- Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Điều Thị Hạnh